BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 96/2021/TT-BTC	----------
	Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2021

THÔNG TƯ

Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán

----

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về mẫu biểu và việc sử dụng mẫu biểu trong công tác quyết toán gồm:

1. Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ).

2. Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành (không bao gồm các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, thực hiện hoặc có liên quan đến công tác quyết toán theo niên độ, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

Điều 3. Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán theo niên độ

1. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách: Mẫu số 01/QTNĐ.

2. Báo cáo về việc thực hiện vốn đầu tư các dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ngân sách nhà nước (do Quốc hội quyết định) của chủ đầu tư: Mẫu số 02/QTNĐ.

3. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách của bộ, cơ quan trung ương: Mẫu số 03/QTNĐ.

4. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách do địa phương quản lý: Mẫu số 04/QTNĐ.

5. Báo cáo về việc thực hiện vốn đầu tư các dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ngân sách nhà nước (do Quốc hội quyết định) của cơ quan chủ quản: Mẫu số 05/QTNĐ.

6. Báo cáo tổng hợp quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương theo năm ngân sách: Mẫu số 06/QTNĐ.

7. Báo cáo chi tiết quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương theo năm ngân sách: Mẫu số 07/QTNĐ.

8. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của các địa phương theo năm ngân sách: Mẫu số 08/QTNĐ.

9. Thông báo thẩm định quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách: Mẫu số 09/QTNĐ.

Điều 4. Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

Thông tin, số liệu được lấy tại thời điểm chủ đầu tư khóa sổ lập báo cáo quyết toán.

1. Báo cáo tổng hợp quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: Mẫu số 01/QTDA.

2. Danh mục văn bản: Mẫu số 02/QTDA.

3. Bảng đối chiếu số liệu: Mẫu số 03/QTDA.

4. Chi tiết chi phí đầu tư đề nghị quyết toán: Mẫu số 04/QTDA.

5. Chi tiết tài sản dài hạn (tài sản cố định) mới tăng: Mẫu số 05/QTDA.

6. Chi tiết tài sản ngắn hạn: Mẫu số 06/QTDA.

7. Chi tiết giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng: Mẫu số 07/QTDA.

8. Tình hình công nợ của dự án: Mẫu số 08/QTDA.

9. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, dự án sử dụng vốn đầu tư công dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu: Mẫu số 09/QTDA.

10. Báo cáo kết quả phê duyệt tổng quyết toán vốn đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A hoàn thành: Mẫu số 10/QTDA.

11. Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án (dự án thành phần, tiêu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình) hoàn thành: Mẫu số 11/QTDA.

12. Báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành hàng năm: Mẫu số 12/QTDA.

13. Phiếu giao nhận Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: Mẫu số 13/QTDA.

14. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý): Mẫu số 14/QTDA.

15. Bảng đối chiếu số liệu (đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý): Mẫu số 15/QTDA.

Điều 5. Sử dụng mẫu biểu

1. Đối với quyết toán theo niên độ:

a) Chủ đầu tư đối chiếu, xác nhận số liệu quyết toán theo niên độ với cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ, báo cáo theo Mẫu số 01/QTNĐ (có xác nhận của cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch), Mẫu số 02/QTNĐ gửi bộ, cơ quan trung ương, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý), sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021.

b) Các bộ, cơ quan trung ương đối chiếu, xác nhận số liệu quyết toán theo niên độ với cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ, báo cáo theo Mẫu số 03/QTNĐ (có xác nhận của cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương), Mẫu số 05/QTNĐ gửi Bộ Tài chính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

c) Sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý đối chiếu, xác nhận số liệu quyết toán theo niên độ với cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ, báo cáo theo Mẫu số 04/QTNĐ (có xác nhận của cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp), Mẫu số 05/QTNĐ gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

d) Đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do bộ, cơ quan trung ương quản lý:

- Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp huyện báo cáo theo Mẫu số 06/QTNĐ, Mẫu số 07/QTNĐ gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh;

- Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh báo cáo theo Mẫu số 06/QTNĐ, Mẫu số 07/QTNĐ gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương;

- Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương báo cáo theo Mẫu số 06/QTNĐ, Mẫu số 07/QTNĐ gửi Bộ Tài chính để làm căn cứ thẩm định quyết toán theo niên độ theo quy định tại khoản 1 Điều 29, Điều 30 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

Thời hạn gửi báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán các cấp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

đ) Đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quản lý:

- Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp huyện báo cáo theo Mẫu số 08/QTNĐ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh để làm căn cứ thẩm định quyết toán theo niên độ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29, Điều 30 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

- Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh báo cáo theo Mẫu số 08/QTNĐ gửi Sở Tài chính và cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương để làm căn cứ thẩm định quyết toán theo niên độ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29, Điều 30 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

Thời hạn gửi báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán các cấp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

e) Đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý:

Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp huyện báo cáo theo Mẫu số 08/QTNĐ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh để làm căn cứ thẩm định quyết toán theo niên độ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29, Điều 30 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

g) Cơ quan tài chính các cấp theo phân cấp quản lý thẩm định báo cáo quyết toán theo niên độ theo quy định tại Điều 29, khoản 2 Điều 30 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ và thông báo theo Mẫu số 09/QTNĐ.

h) Sở Tài chính báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách do địa phương quản lý theo Mẫu số 04/QTNĐ gửi Bộ Tài chính và cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương để phục vụ công tác quyết toán theo niên độ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

i) Các bộ, cơ quan trung ương, các Sở Tài chính, cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương gửi báo cáo quyết toán theo niên độ về Bộ Tài chính và gửi dữ liệu về hòm thư điện tử (trừ các nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

2. Đối với quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

a) Đối với dự án (dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập) hoàn thành, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ: báo cáo theo Mẫu số 01/QTDA, Mẫu số 02/QTDA, Mẫu số 03/QTDA, Mẫu số 04/QTDA, Mẫu số 05/QTDA, Mẫu số 06/QTDA, Mẫu số 07/QTDA, Mẫu số 08/QTDA.

b) Đối với nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 34 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ: báo cáo theo Mẫu số 03/QTDA, Mẫu số 08/QTDA, Mẫu số 09/QTDA.

c) Đối với dự án thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý: báo cáo theo Mẫu số 14/QTDA và Mẫu số 15/QTDA (hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

d) Báo cáo kết quả phê duyệt tổng quyết toán vốn đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A hoàn thành theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ: theo Mẫu số 10/QTDA.

đ) Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án (dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập) hoàn thành theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ: theo Mẫu số 11/QTDA.

e) Báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành hàng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ: Mẫu số 12/QTDA gửi Bộ Tài chính và gửi dữ liệu về hòm thư điện tử (trừ các nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

Điều 6. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Bãi bỏ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

a) Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.

b) Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.

c) Thông tư số 85/2014/TT-BTC ngày 30/6/2014 hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

d) Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.

đ) Mục VI Thông tư số 138/2007/TT-BTC ngày 29/11/2007 hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Kiểm toán Nhà nước và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ ĐT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Đã ký
Tạ Anh Tuấn